

đồng quan điểm, thường hay cự cãi với nhau bất hòa trong cuộc sống, ông Đ không chăm lo kinh tế gia đình, hiện tại Bà đã về cha mẹ ruột để sinh sống, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được nên Bà yêu cầu giải quyết được ly hôn ông Đ. Về con chung: Bà và ông Đ có hai con chung là Nguyễn Hữu A sinh ngày 13/10/2010 và Nguyễn Thanh D sinh ngày 19/5/2015, hai con chung hiện đang sống với Bà, sau khi ly hôn Bà yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng. Về tài sản chung: Ông, Bà tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Bà T xác định trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm ly hôn không có. Tại phiên tòa bà T có thay đổi một phần yêu cầu trong đơn kiện, cụ thể về con chung ông Đ yêu cầu nuôi cả hai con chung thì Bà không đồng ý. Bởi vì, ông Đ không có điều kiện, khả năng kinh tế để chăm sóc lo lắng cho cả hai con, sức khỏe cũng không đảm bảo. Vì vậy, trường hợp ông Đ yêu cầu được nuôi con chung thì Bà giao Hữu A cho ông Đ nuôi dưỡng, Bà không cấp dưỡng nuôi con.

* Tại biên bản hòa giải ngày 22/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Về hôn nhân: Ông Đ xác định quá trình sống chung và các mâu thuẫn phát sinh trong thời kỳ hôn nhân bà T trình bày là đúng, do ông Đ sức khỏe không ổn định, Ông đang bị bệnh viêm phế quản, động kinh, nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng; Ông sẽ thay đổi tìm việc làm để đảm bảo kinh tế gia đình vì Ông còn thương vợ, con muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để chăm lo cho các con nên Ông không đồng ý ly hôn, trường hợp bà T cương quyết ly hôn thì Ông đồng ý. Về con chung: Ông Đ xác định có hai con chung, trường hợp cho ly hôn thì Ông yêu cầu nuôi cả hai con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Về tài sản chung: Ông thống nhất ý kiến bà T trình bày; nợ chung: Ông Đ thống nhất ý kiến bà T là không có. Tại phiên tòa ông Đ không đồng ý ly hôn, đồng ý nuôi Hữu A không yêu cầu cấp dưỡng.

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đặng Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tại tòa bà Trình cương quyết ly hôn; ông Nguyễn Hữu Đ xác định không đồng ý ly hôn. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3

Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông Đ tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định do đó, quan hệ hôn nhân của Ông, Bà là hợp pháp. Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng bà T không còn sống chung với ông Đ, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà T cương quyết giữ quan điểm ly hôn; các lý do Bà trình bày để yêu cầu xin ly hôn ông Đ thừa nhận có nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Xét thấy, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của Ông, Bà do quan điểm sống của vợ chồng chưa có tiến nói chung, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, bà T đã về nhà cha mẹ ruột để sống, không cho ông Đ cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng dù Ông tha thiết đoàn tụ nhưng chưa có giải pháp để thuyết phục, bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Đ, mâu thuẫn hôn nhân không hàn gắn được. Từ đó, nhận thấy mâu thuẫn của Ông, Bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Đ.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông Đ có hai người con chung là Nguyễn Hữu A và Nguyễn Thanh D, cả bà T và ông Đ đều có yêu cầu được nuôi dưỡng hai con. Tại phiên tòa bà T đồng ý giao Hữu A cho ông Đ nuôi dưỡng vì Hữu A lớn nên tự chăm sóc được bản thân, Bà không đồng ý giao Thanh D vì con còn nhỏ chưa tự chăm sóc bản thân được kể cả những sinh hoạt hàng ngày, bà T cho rằng mỗi người nuôi một con sẽ đảm bảo hơn về khả năng kinh tế, cũng như về điều kiện chăm sóc. Xét yêu cầu và lời trình bày của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện tại ông Đ không có thu nhập ổn định, sức khỏe không đảm bảo để chăm sóc, đưa đón con đi học, lo lắng cho cả hai con trong những sinh hoạt hàng ngày, điều kiện kinh tế để hai con ăn, học sẽ gặp nhiều khó khăn nên đề nghị của bà T về giao Hữu A cho ông Đ nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với nguyện vọng của Hữu A là muốn sống với cha, thuận tiện hơn trong việc đưa đón Hữu A vì nhà ông Đ gần trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học của Hữu A. Ngoài ra, vì sức khỏe ông Đ không đảm bảo nên nguồn thu nhập không ổn định, việc giao con cũng tạo điều kiện cho bà T đi làm kiếm thêm thu nhập, hỗ trợ ông Đ nuôi con khi cần thiết. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao Hữu A cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T và ông Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Ông, Bà xác định không có.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV - QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đ, ông Đ không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đặng Thị Kiều T và ông Nguyễn Hữu Đ.

1.2/ Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Hữu A, sinh ngày 13/10/2010 cho ông Nguyễn Hữu Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Thanh D, sinh ngày 19/5/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đ và bà T không cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn ông Đ, bà T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì ông Đ, bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Bà Đặng Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0005858 ngày 12/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- THADS TPV;
- VKSND TPV;
- TAND tỉnh VL;
- UBND xã Phước Hậu
huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 45 phút, ngày 25 tháng 02 năm 2021;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư;

2. Bà Huỳnh Thị Thu Vân.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 383/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2020 về “Tranh chấp Xin ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Kiều Trinh**, sinh năm 1983 (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu Đạt**, sinh năm 1982 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 69/11 Phó Cơ Điều, Khóm 2, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬT, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đặng Thị Kiều Trinh và ông Nguyễn Hữu Đạt.

1.2/ Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Hữu Anh, sinh ngày 13/10/2010 cho ông Nguyễn Hữu Đạt trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Thanh Dương, sinh ngày 19/5/2015 cho bà Trinh trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đạt và bà Trinh không cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn ông Đạt, bà Trinh có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì ông Đạt, bà Trinh có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Bà Đặng Thị Kiều Trinh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0005858 ngày 12/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà Trinh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 25 tháng 02 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

.....

Út tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2013 tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân của bà Mười Hai và ông Út là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Mười Hai và ông Út phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 đã gửi đơn xin ly hôn một lần nhưng sau đó rút đơn, nay Ông, Bà tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân với nhau từ tháng 10/2017 đến nay. Xét thấy, bà Mười Hai và ông Út không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Mười Hai yêu cầu ly hôn và được ông Út đồng ý

